



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

Vietnam Environment Administration (VEA)

天然資源環境省環境総局 (VEA)

**Tổng quan và một số điểm mới của
Luật Bảo vệ môi trường**

環境保護法の概要・新しい内容

Trình bày: Nguyễn Trung Thuận

作成者: グエン・チュン・トアン

Vụ Chính sách, Pháp chế và Thanh tra

政策・法制・審査局

Tổng cục Môi trường

環境総局



TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

Vietnam Environment Administration (VEA)

NỘI DUNG 内容

- **TỔNG QUAN LUẬT BVMT**
- **環境保護法の概要**
- **MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT BVMT**
- **環境保護法の新しいポイント**

← 17 Nov 2020

Tuesday

KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT		
THỜI GIAN	0:00	
THAM GIA	466	96.68%
TÁN THÀNH	443	91.91%
KHÔNG TÁN THÀNH	16	3.32%
KHÔNG BIỂU QUYẾT	7	1.45%

TỔNG QUAN LUẬT BVMT 2020

Luật BVMT

1. Quy định chung

2. Bảo vệ các thành phần MT, di sản thiên nhiên

3. Chiến lược, quy hoạch BVMT quốc gia; nội dung BVMT trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh

4. ĐMC, đánh giá sơ bộ TĐMT, ĐTM, GPMT

5. BVMT trong hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ; đô thị và nông thôn; trong một số lĩnh vực

6. Quản lý chất thải và kiểm soát các chất ô nhiễm khác

7. Ứng phó với BĐKH

8. Quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tiêu chuẩn MT

9. Quan trắc, thông tin, cơ sở dữ liệu MT và báo cáo MT

10. Phòng ngừa, ứng phó SCMT và bồi thường thiệt hại MT

11. Công cụ kinh tế cho BVMT, nguồn lực về BVMT

12. Hội nhập và hợp tác quốc tế về BVMT

13. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức CT-XH, tổ chức CT-XHNN, tổ chức XH-NN và cộng đồng dân cư trong BVMT

14. Kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, xử lý vi phạm, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về MT

15. Trách nhiệm QLNN về BVMT

16. Điều khoản thi hành

環境保護法2020の概要

1. 総則
2. 環境構成、天然遺産の保護
3. 国家環境保護の戦略・開発企画、地域・省レベルの開発企画における環境保護内容
4. 戦略的な環境保護（DMC）、事前環境影響評価（TDMT）、環境影響評価（DTM）、環境ライセンス（GPMT）
5. 生産・経営・サービス、都市・農村、いくつかの分野における環境保護
6. 廃棄物及びその他の環境汚染物質の管理
7. 気候変動対策
8. 環境技術規格、環境標準
9. 環境のモニタリング・情報・データベース及び環境報告書
10. 環境事故の防止・対策、環境損失弁償
11. 環境保護への経済的な対策、環境保護への実施力
12. 環境保護に係る国際活動への加盟、国際協力
13. ベトナム祖国戦線、政治・社会組織、各産業の政治・社会組織、社会・産業組織、住民コミュニティの環境保護に対する責任
14. 環境に係る検査・審査・会計監査、違反・紛争・苦情・非難の処理
15. 環境保護に係る政府機関の責任
16. 執行項目



TỔNG QUAN LUẬT BVMT 2020

環境保護法2020の概要

1. BVMT được đặt ở vị trí trung tâm của các quyết định phát triển

環境保護は開発決定の中心

2. Bảo vệ sức khoẻ Nhân dân làm mục tiêu hàng đầu

住民の健康保護は最大の目標

3. Tính toàn diện, đồng bộ, thống nhất

包括性・唯一性・統一性

4. Cơ sở pháp lý thực hiện các cam kết quốc tế về MT

環境に係る国際公約執行の法的根拠



MỘT SỐ ĐIỂM MỚI

新しいポイント

Chế định nội dung sức khỏe MT

環境健康に係る規則

- Bảo vệ các thành phần môi trường
- **環境構成の保護**
- Quản lý các chất ô nhiễm có tác động trực tiếp đến sức khỏe con người
- **人間の健康に直接影響を与える汚染物質の管理**
- Bổ sung quy định việc lập và thực hiện KH quản lý chất lượng MT nước mặt, MT không khí
- **表面水・大気的环境品質の管理計画の作成・執行に係る規則の補足**



MỘT SỐ ĐIỂM MỚI

新しいポイント

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người dân và doanh nghiệp trong BVMT
- 住民と事業者の環境保護に対する役割・責任を向上する
- Quy định cụ thể hơn về công khai thông tin
- 情報公開についてより詳細に規定する
- Thiết lập hệ thống trực tuyến tiếp nhận, xử lý, trả lời phản ánh, kiến nghị, tham vấn của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về BVMT
- 組織、個人、住民コミュニティからの環境保護に関する苦情、提案、助言に対する受信・処理・返信のオンラインシステムを構築する。



MỘT SỐ ĐIỂM MỚI

新しいポイント

- Trách nhiệm của chủ dự án trong việc tham vấn cộng đồng dân cư ngay từ khi lập báo cáo ĐTM
- 環境影響評価報告書（DTM）を作成する最初の時期に、案件の投資者の住民コミュニティと相談の責任
- Trách nhiệm thực hiện tham vấn, đối tượng tham vấn, nội dung tham vấn chủ yếu, hình thức tham vấn trong quá trình thực hiện ĐTM
- DTM執行段階における相談、相談対象、主な相談内容、相談方式に係る責任
- Trách nhiệm của các chủ thể trong việc tham vấn ý kiến các bên có liên quan trong quá trình lập hồ sơ đề nghị cấp GPMT
- 環境ライセンス（GPMT）申請書類を作成する過程における関係者の意見に対する相談当事者の責任



MỘT SỐ ĐIỂM MỚI

新しいポイント

Thay đổi phương thức QLMT đối với dự án đầu tư theo các tiêu chí MT; kiểm soát chặt chẽ dự án có nguy cơ tác động xấu đến MT mức độ cao:

環境基準に基づく投資プロジェクトに対する環境管理手法の変更、環境への悪影響のリスクが高いプロジェクトを厳しく監督

- Đồng bộ các công cụ QLMT theo từng giai đoạn của dự án
- プロジェクトの各段階における環境管理方法（ツール）を統合させる
- Tiếp cận phương pháp QLMT xuyên suốt đối với dự án đầu tư
- 投資プロジェクト全体の環境管理手法に取り組む



MỘT SỐ ĐIỂM MỚI

新しいポイント

- Tương ứng với từng đối tượng dự án cụ thể, sẽ áp dụng các cơ chế quản lý phù hợp theo mức độ kiểm soát chặt chẽ theo nguy cơ tác động đến môi trường:
- 詳細プロジェクトに対して環境への影響のリスクにより厳格な管理の程度に応じて、適切な管理メカニズムを適用する
- + Nhóm I: có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao
グループI：環境への悪影響のリスクが高い
- + Nhóm II: có nguy cơ
グループII：環境への悪影響のリスクがある
- + Nhóm III: ít có nguy cơ
グループIII：環境への悪影響のリスクが低い
- + Nhóm IV: không có nguy cơ
グループIV：環境への悪影響のリスクがない



MỘT SỐ ĐIỂM MỚI

新しいポイント

Cải cách mạnh mẽ TTHC trong lĩnh vực BVMT

環境保護における行政手続きを大幅に改善

- Tích hợp các thủ tục về môi trường vào trong 01 GPMT
- 環境に係る全ての手続きを一つの環境ライセンスに統合させる
- Bãi bỏ các thủ tục về cấp phép xả nước thải vào nguồn nước, cấp phép xả nước thải vào công trình thủy lợi
- 排水を水源に放出させる許可、廃水を灌漑施設に放出させる許可に関する手続きを解除する



MỘT SỐ ĐIỂM MỚI

新しいポイント

Giấy phép môi trường: **環境ライセンス**

- Đối tượng: Dự án đầu tư nhóm I, II, III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải hoặc Dự án đầu tư, cơ sở hoạt động trước ngày 01/01/2022 có tiêu chí về môi trường tương đương
- 対象：環境に廃水、粉塵、排気ガス、有害廃棄物を排出するグループI、II、IIIの対象となる投資プロジェクトは、廃棄物管理に係る規則または2022年1月1日以前に運用した投資プロジェクト・事業者に対する相当環境基準に基づいて処分・管理される



MỘT SỐ ĐIỂM MỚI

新しいポイント

Giấy phép môi trường: 環境ライセンス

- 02 nội dung chính: (1) cấp phép đối với nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung; chất thải nguy hại, phế liệu; (2) yêu cầu BVMT
- 主な2つの内容：（1）排水、排気ガス、騒音、振動、有害廃棄物、スクラップに対するライセンス発行 （2）環境保護の要求
- Thời hạn: 07 năm đối với dự án nhóm I hoặc cơ sở có tiêu chí MT như dự án nhóm I; 10 năm đối với dự án, cơ sở còn lại
- 期間：グループIのプロジェクト又はグループIと同じ環境基準に従う施設に対して7年間、残りの他のプロジェクト・施設に対して10年間



MỘT SỐ ĐIỂM MỚI

新しいポイント

Phân cấp mạnh mẽ TTHC trong lĩnh vực BVMT

環境保護における行政手続きの分権化を強化

- Không giao các Bộ quản lý ngành thẩm định báo cáo ĐTM của dự án đầu tư do Bộ, ngành quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư
- 投資方針・投資を決定する省庁機関に環境影響評価(DTM)を審査させないようにする
- UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm về công tác BVMT trên địa bàn
- 地方レベルの人民委員会は地方における環境保護の責任を担う



MỘT SỐ ĐIỂM MỚI

新しいポイント

Thúc đẩy phân loại rác thải tại nguồn; kinh tế tuần hoàn

発生源における廃棄物分類、「循環的な経済」を促進

- CTRSH phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân làm 03 loại: (i) CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế; (ii) Chất thải thực phẩm; (iii) CTRSH khác
- 世帯・個人から発生する生活用廃棄物は3種類：（1）再生・再使用可能な廃棄物、（2）食品廃棄物、（3）その他の生活用廃棄物
- Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH từ hộ gia đình, cá nhân dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải được phân loại
- 世帯・個人からの生活用廃棄物の回収・運搬・処理費用は分類済廃棄物の重量（ボリューム）・容量により決定される



MỘT SỐ ĐIỂM MỚI

新しいポイント

Thúc đẩy phân loại rác thải tại nguồn; tái chế, kinh tế tuần hoàn

発生源における廃棄物分類、再生、循環的な経済を促進

- UBND cấp tỉnh quyết định việc phân loại cụ thể CTRSH, áp dụng chậm nhất là ngày 31/12/2024
- 省レベルの人民委員会は生活用廃棄物の分類を決定し2024年12月31日までに適用させなければならない
- Quy định trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, nhập khẩu
- 製造者・輸入者の拡張責任拡大を規定する



MỘT SỐ ĐIỂM MỚI

新しいポイント

Chế định cụ thể về kiểm toán môi trường:

環境監査に係る詳細を制定

- Quy định nội dung kiểm toán môi trường
- **環境監査内容を規定する**
- Bổ sung quy định Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán trong lĩnh vực MT theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan
- **国家監査法及び他の関連法に基づき、国家監査に環境分野における監査を執行させる規則を補足する**



MỘT SỐ ĐIỂM MỚI

新しいポイント

Cụ thể hóa các quy định về ứng phó BĐKH

気候変動対策に係る規則を詳細に決定

- Bổ sung các quy định về thích ứng với BĐKH, giảm nhẹ phát thải KNK, bảo vệ tầng ô-zôn, lồng ghép nội dung ứng phó với BĐKH vào hệ thống chiến lược, quy hoạch, thực hiện cam kết quốc tế về BĐKH và bảo vệ tầng ô-dôn.
- 気候変動への適応、温室効果ガス排出軽減、オゾン層保護に係る規則を補足し、気候変動への適応内容を気候変動・オゾン層保護に係る戦略・企画・国際公約に統合させる
- Chế định về tổ chức và phát triển thị trường các-bon
- カーボン市場の組織・開発に係る制定



MỘT SỐ ĐIỂM MỚI

新しいポイント

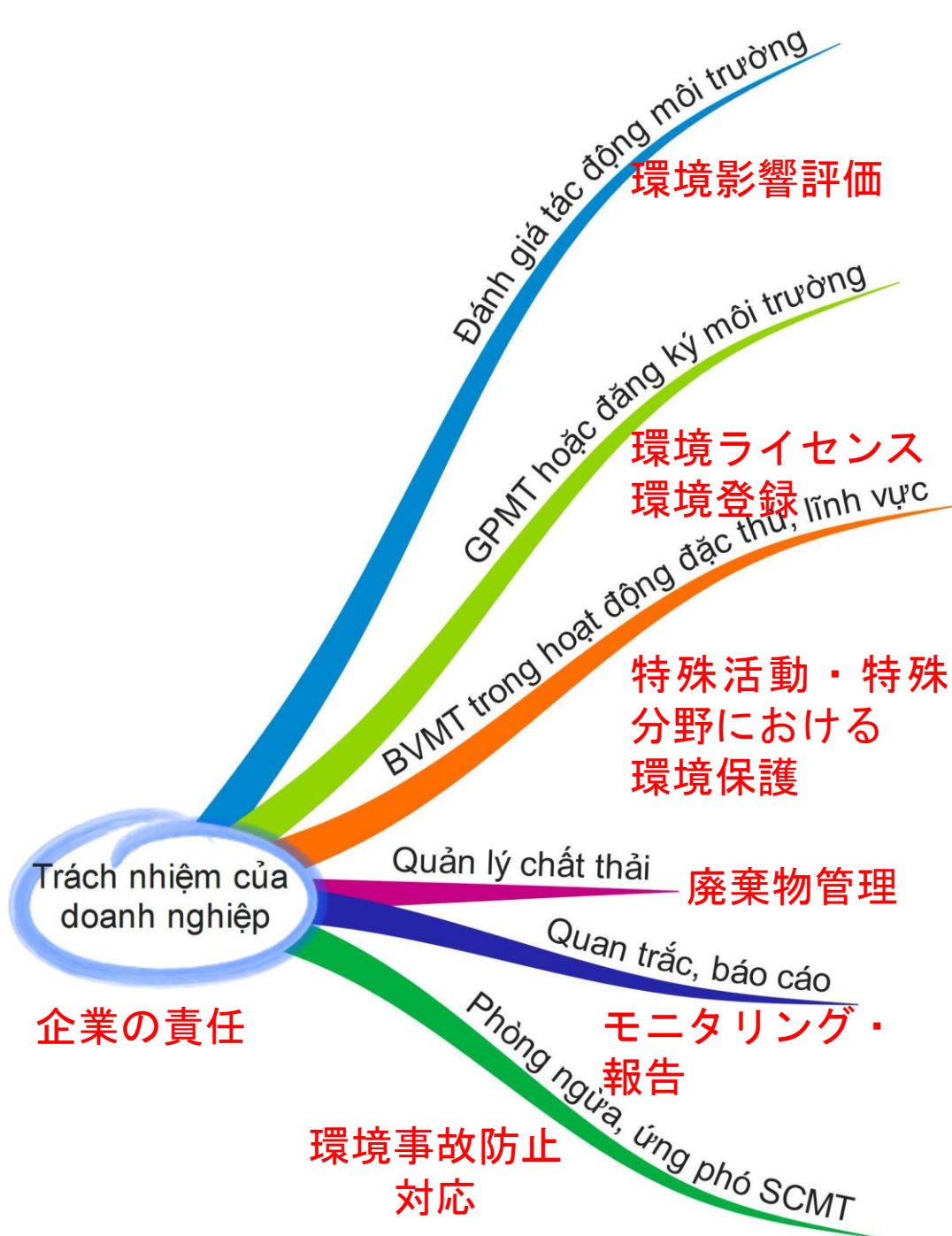
Tạo lập chính sách phát triển các mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, phục hồi và phát triển nguồn vốn tự nhiên

持続可能な経済成長モデル開発に係る政策を作成、循環的な経済を促進、自然資源を回復・開発

- Phát triển ngành công nghiệp MT, dịch vụ MT
- 環境産業・環境サービスの開発
- Sản phẩm, dịch vụ thân thiện MT; mua sắm công xanh
- 環境に優しい商品・サービス、グリーン公的調達
- Quy định về kinh tế tuần hoàn
- 循環的な経済についての規定
- Khai thác, sử dụng và phát triển vốn tự nhiên
- 自然資源の開拓・使用・開発
- Tín dụng xanh, trái phiếu xanh
- グリーンクレジット、グリーンボンド

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp

企業の責任に係る 新しいポイント





TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP

企業の責任

Đánh giá tác động môi trường

環境影響評価

- Xác định đối tượng thực hiện/không thực hiện ĐTM
- DTMを執行する/執行しない対象を策定
- Thực hiện các quy định tại các Điều 31-37 nếu thuộc đối tượng thực hiện ĐTM bao gồm các yêu cầu về nội dung ĐTM, thực hiện tham vấn, thực hiện trách nhiệm sau khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM
- DTM執行対象はDTM内容・住民との相談・DTM審査結果認定の後の執行責任に係る要請を含む第31条～第37条を執行する



TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP

企業の責任

Giấy phép môi trường

環境ライセンス

- Xác định đối tượng phải có GPMT/đăng ký môi trường
- 環境ライセンス/環境登録する義務のある対象を制定
- Thực hiện các quy định về cấp GPMT bao gồm các nội dung về hồ sơ đề nghị cấp GPMT, điều chỉnh, cấp lại GPMT, vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải
- 環境ライセンスの発行申請・修正・再発行、廃棄物処理試運転に係る内容を含む環境ライセンスの規定を執行
- Hoặc thực hiện quy định về đăng ký môi trường
- 環境登録に係る規定を執行



TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP

企業の責任

BVMT trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

製造・経営・サービスにおける環境保護

- Thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải, kiểm soát tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ nhiệt đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường
- 環境技術基準に応じて排水・粉塵・排気ガスの回収・処理、騒音・振動・照明・熱放射を監督
- Thu gom, phân loại, lưu giữ, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải rắn
- 固形廃棄物の回収・分類・保管・再利用・再生・処理
- Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường
- 環境事故防止・対応
- Dự án, cơ sở có lưu lượng xả nước thải, khí thải lớn phải bố trí nhân sự phụ trách về BVMT được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp; phải có hệ thống QLMT
- 大規模排水・排気ガスのプロジェクト・施設は環境専門又は適切な専門を有している環境保護担当者を派遣し、環境モニタリング措置を設置する義務がある。
- Quan trắc nước thải, bụi, khí thải
- 排水・粉塵・排気ガスのモニタリング



TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP

企業の責任

BVMT trong lĩnh vực đặc thù

特殊分野における環境保護

- BVMT khu kinh tế
 - 経済区における環境保護
- BVMT khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung
 - 集中的な製造・経営・サービス区における環境保護
- BVMT cụm công nghiệp
 - 工業区における環境保護
- Các yêu cầu về BVMT trong lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải, kiểm soát các chất POP, PTS; hoạt động dầu khí; nhập khẩu phế liệu, vv.
 - 建設、交通運輸、POP・PTS監督、石油の活動、スクラップ輸入における環境保護に係る要求



TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP

企業の責任

Quản lý chất thải

廃棄物の管理

- Tái sử dụng, tái chế, xử lý và thu hồi năng lượng từ chất thải hoặc chuyển giao cho cơ sở có chức năng để xử lý
- 廃棄物からのエネルギーを再利用・再生・処理する、又は処理のために関連施設に移転する
- Phân định chất thải
- 廃棄物の分別
- Phân loại và lưu giữ riêng các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường
- 一般工業用固形廃棄物の分類・個別の保管
- Với chất thải nguy hại: Khai báo; phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ riêng
- 有害廃棄物に対する申告・分別・分類・回収・個別の保管を執行



TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP

企業の責任

Quản lý chất thải

廃棄物の管理

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa
- 雨水の排水と排水回収・処理の個別システム
- Công nghệ, công suất của hệ thống xử lý
- 処理システムの技術・効率
- Vận hành hệ thống
- システムの運用
- Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý,...
- 処理システムに対する環境事故の防止・対応



TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP

企業の責任

Quan trắc chất thải, thông tin, báo cáo

廃棄物のモニタリング・情報・報告

- Thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục, định kỳ
- 自動・連続・定期モニタリング措置の実施
- Thực hiện quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục, định kỳ
- 自動・連続・定期的な粉塵・排気ガスモニタリング措置の実施
- Kết nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục nước thải, khí thải
- 排水・排気ガスの連続・自動モニタリングのデータの接続・送信
- Thu nhận, lưu trữ, quản lý và cung cấp các thông tin về môi trường
- 環境に関する情報の受信・保管・管理・提供
- Báo cáo công tác BVMT
- 環境保護事業の報告書



TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP

企業の責任

Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

環境事故・対応

- Kế hoạch, biện pháp, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó; chuẩn bị lực lượng
- 環境事故防止・対応に係る計画・対策・設備資材・リソース
- Loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra SCMT
- 環境事故発生リスクの排除・減少
- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch
- 計画の決定・執行
- Tổ chức ứng phó
- 対策実施
- Phục hồi môi trường
- 環境回復
- Trách nhiệm chi trả kịp thời, toàn bộ các chi phí tổ chức ứng phó, phục hồi môi trường
- 環境対応・回復の実施に係る全費用を適時に支払う責任



TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP

企業の責任

Sản xuất xanh hơn, thân thiện môi trường

よりグリーン、環境に優しい生産

- Giảm thiểu chất thải, tăng cường tái chế chất thải
- 廃棄物の減少、廃棄物再生の強化
- Sản xuất xanh hơn (giảm các loại chất thải, chất gây hiệu ứng nhà kính, năng lượng tối ưu, vv.)
- よりグリーンな生産（廃棄物・温室効果ガス排出物質の削減、最適なエネルギーの利用）
- Sản xuất, sử dụng sản phẩm thân thiện môi trường
- 環境に優しい生産・商品使用
- Áp dụng kinh tế tuần hoàn
- 循環的な経済の適用



LUẬT

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

NĂM 2020

**Cám ơn sự chú
ý theo dõi của
quý vị!
ご清聴
ありがとうございました！**